

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY BẮC  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12- 01-2022

V/v Ly hôn, t/c về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

**- Tthành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Đoàn Văn Lắm
2. Bà Lê Thị Hồng Nhan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc:** Ông Thạch Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 230/2021/TLST-HN ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2021/QĐST – HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021; giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Hồ Thị Trúc L, sinh năm 1993; Trú tại: Ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Minh Q, sinh năm 1989; Trú tại: Ấp K, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị L, anh Q có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hồ Thị Trúc L trình bày:**

Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Q.

Chị và anh Q quen nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2012 được UBND xã K cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 03/3/2012 thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc lo làm ăn nhưng được một thời gian thì anh Q nghe lời bạn bè cò bạc, nợ nần không lo cho vợ con, chị và gia đình có khuyên can nhiều lần nhưng anh Q không thay đổi, do xảy ra nhiều năm không còn tiếng nói chung nên xảy ra cự cãi, cách nay khoảng 08 tháng thì anh Q và chị cãi nhau anh Q đuổi chị ra khỏi nhà nên chị về nhà cha chị ở cho đến nay. Chị và anh Q đã ly thân cách nay khoảng 08 tháng. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh Q.

Về con chung: có một con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 07/7/2013, chị xin nuôi con không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện chị trình bày không có tài sản chung nhưng anh Q cho rằng có tài sản chung là chiếc xe gắn máy do chị đang quản lý thì chị cũng đồng ý đây là tài sản chung của 02 vợ chồng. Anh Q không yêu cầu giải quyết nên chị cũng đồng ý để chị và anh Q tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nếu sau này có tranh chấp sẽ yêu cầu trong vụ kiện khác. Chị xác định lại là tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

***Anh Nguyễn Minh Q xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại biên bản lấy lời khai ngày 17/12/2021 như sau:***

Anh và chị L do tự quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre vào năm 2012. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại xã N 02 năm sau đó về K sống chung cha mẹ anh. Anh chị sống hạnh phúc gần 08 năm thì vợ chồng mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do bất đồng quan điểm sống, anh làm nghề lái xe nên vợ anh cho rằng anh không dành nhiều thời gian cho vợ con dẫn đến cãi vã và anh đã đuổi chị L đi, đến nay chị L không về nhà nữa. Anh và chị L đã chính thức ly thân 08 tháng cho đến nay, thời gian sống ly thân vợ chồng anh có gặp gỡ nhưng không hàn gắn được. Nay chị L xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: có một con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 07/7/2013, anh đồng ý để con cho chị L nuôi anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: 01 chiếc xe máy chị L đang quản lý, anh không yêu cầu tòa giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình thụ lý và giải quyết nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Hồ Thị Trúc L, chị L được ly hôn với anh Q; Con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 07/7/2013, chị L nuôi, anh Q không cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu; Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Nợ chung không có nên không xem xét.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ pháp luật*: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Thẩm quyền giải quyết*: Theo xác nhận của Công an xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre ngày 15/11/2021 xác nhận Nguyễn Minh Q hiện có đăng ký thường trú tại xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Chị Hồ Thị Trúc L, anh Nguyễn Minh Q có yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh Q.

[3] *Về hôn nhân*: Chị Hồ Thị Trúc L, anh Nguyễn Minh Q kết hôn vào năm 2002, trên cơ sở quen biết và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện M nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L, chị L cho rằng vợ chồng chị mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Q nghe lời bạn bè cò bạc, nợ nần không lo cho vợ con, chị và gia đình có khuyên can nhiều lần nhưng anh Q không thay đổi, do xảy ra nhiều năm không còn tiếng nói chung nên xảy ra cự cãi, cách nay khoảng 08 tháng thì anh Q và chị cãi nhau anh Q đuổi chị ra khỏi nhà nên chị về nhà cha chị ở cho đến nay. Chị và anh Q đã ly thân cách nay khoảng 08 tháng. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh Q. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh Q. Anh Q cho rằng nguyên nhân mất hạnh phúc là do bất đồng quan điểm sống, anh làm nghề lái xe nên vợ anh cho rằng anh không dành nhiều thời gian cho vợ con dẫn đến cãi vã và anh đã đuổi chị L đi, đến nay chị L không về nhà nữa. Anh và chị L đã chính thức ly thân 08 tháng cho đến nay, thời gian sống ly thân vợ chồng anh có gặp gỡ nhưng không hàn gắn được. Nay chị L xin ly hôn anh đồng ý. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mất hạnh phúc giữa chị L và anh Q thì cha chị L cho biết chị L và anh Q có mâu thuẫn do anh Q cò bạc, nợ nần, qua xác minh tại cán bộ tư pháp của UBND xã K cho biết giữa chị L và anh Q có mâu thuẫn dẫn đến cãi vã. Như vậy, giữa chị và anh Q mâu thuẫn là có thật. Anh chị là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ vợ chồng, thấy rằng mâu thuẫn giữa chị L và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa hai anh chị không đạt được đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị L là phù hợp.

[4] *Về con chung*: Chị L và anh Q có 01 con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 07/7/2013, chị L xin nuôi, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con,

anh Q đồng ý để con cho chị L nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa thuận của chị L, anh Q là tự nguyện phù hợp với nguyện vọng của cháu Minh N tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 08/12/2021 và 17/12/2021 nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 07/7/2013 cho chị L trực tiếp nuôi, ghi nhận chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về tài sản chung*: Chị L, anh Q trình bày tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Chị L, anh Q trình bày không có nên không xem xét.

[7] *Án phí* : Do yêu cầu xin ly hôn của chị L được chấp nhận nên chị L phải chịu án phí theo quy định là 300.000 đồng.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thị Trúc L

Chị Hồ Thị Trúc L được ly hôn với anh Nguyễn Minh Q.

2. *Về con chung*: Chị L trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 07/7/2013, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Chị L, anh Q trình bày tài sản chung tự thỏa thuận, không

yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. *Về nợ chung*: Chị L, anh Q trình bày không có nên không xem xét.

5. *Án phí*: Chị Hồ Thị Trúc L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu số 0002381 ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc nên không phải nộp thêm.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

7. *Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND Bến Tre (01b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc(01b);
- UBND xã K (số 22, quyển số 01.2012);
- Dương sự (02b);
- Lưu HS, VP (03b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Đã ký**

**Nguyễn Thị Thúy Uyên**